TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG NINH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/DS-ST
Ngày: 09 - 6 - 2023
"V/v tranh chấp về thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Mạnh Cường
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Văn Anh Trình và ông Nguyễn Xuân Hành.
- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Trang – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Triều – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2023/QĐST-TCDS ngày 26/4/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đoàn Thị L, sinh năm 1967; địa chỉ: TDP B, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Đoàn Thị D, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Đoàn Quốc U, sinh năm 1945; địa chỉ: Số 109 H, tổ 5, phường N, TP Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

+ Bà Đoàn Thị Hoa T, sinh năm 1961, địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

+ Bà Đoàn Thị Thúy V, sinh năm 1962, địa chỉ: 20 T, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

+ Chị Đoàn Thị Thanh H, sinh năm 1982, địa chỉ: Nhà C, Bình An 4 chung cư Lê Thanh N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

+ Bà Bùi Thị Tâm, địa chỉ: Nhà C, Bình An 4 chung Cư Lê Thanh N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

+ Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1962, địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt, ủy quyền lại cho bà Đoàn Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/7/2022, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đoàn Thị L trình bày: Bố bà là Đoàn Hồng L, sinh năm 1938 và mẹ bà Ngô Thị T, sinh năm 1923, sinh ra sáu người con bao gồm: Ông Đoàn Quốc V, sinh năm 1953 (đã chết), ông Đoàn Quốc U, sinh năm 1945, bà Đoàn Thị Hoa T, sinh năm 1961, bà Đoàn Thị Thúy V, sinh năm 1962, bà Đoàn Thị D, sinh năm 1968 và bà Đoàn Thị L, sinh năm 1967. Mẹ bà mất năm 2001 và bố mất 2003 không để lại di chúc, di sản để lại một thửa đất số 04 tờ bản đồ số 06, trong đó có 130m^2 đất ở và 650m^2 đất vườn được UBND huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 18/3/1995 mang tên Đoàn Hồng L, địa chỉ thửa đất thôn Trường An, xã Gia Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Trên thửa đất có một ngôi nhà: Diện tích sử dụng 68,8 m^2 và nhà vệ sinh diện tích 10m^2, ngôi nhà này anh em chúng tôi góp tiền cải tạo lại vào năm 2014 và anh em đồng đội của anh Đoàn Quốc V có hỗ trợ 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng). Ngoài ra còn có một ngôi nhà của vợ chồng bà Đoàn Thị D và ông Nguyễn Mạnh H xây dựng năm 2015 có diện tích 139,1m^2 và nhà tạm liền kề mái lợp tôn tường xây gạch có diện tích 15.3m^2. Anh em Bà đã nhiều lần họp để phân chia di sản thừa kế nhưng không được. Để đảm bảo quyền lợi cho Bà nên Bà đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật, nguyện vọng của tôi là xin nhận phần đất và nhà của bố mẹ để làm nơi thờ cúng bố mẹ bà. Đối với phần đất có nhà của em D và em H đang ở thì giao toàn bộ thửa đất đó cho vợ chồng H, D ở.

Tại bản tự khai ngày 21/10/2022, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Đoàn Thị D trình bày: Bố bà là Đoàn Hồng L, sinh năm 1938 và mẹ bà Ngô Thị T, sinh năm 1923, sinh ra sáu người con bao gồm: Ông Đoàn Quốc V, sinh năm 1953 (đã chết), ông Đoàn Quốc U, sinh năm 1945, bà Đoàn Thị Hoa T, sinh năm 1961, bà Đoàn Thị Thúy V, sinh năm 1962, bà Đoàn Thị L, sinh năm 1967 và bà Đoàn Thị D, sinh năm 1968. Mẹ bà mất năm 2001 và bố mất 2003 không để lại di chúc, di sản mà để lại một thửa đất số 04 tờ bản đồ số 06, trong đó có 130m^2 đất ở và 650m^2 đất vườn được UBND huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 18/3/1995 mang tên Đoàn Hồng Lam, địa chỉ thửa đất thôn Trường An, xã Gia Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Trên mảnh đất có một ngôi nhà cấp 4 có diện tích sử dụng 68,8 m^2 và nhà vệ sinh diện tích 10m^2. Ngoài ra còn có một ngôi nhà của vợ chồng bà là Đoàn Thị D và Nguyễn Mạnh H xây dựng năm 2015. Nhà xây móng bê tông cốt thép kết hợp móng xây đá học, kết cấu nhà đổ mái lợp tôn tường xây che bằng gạch có diện tích 139,1m^2 và nhà tạm liền kề mái lợp tôn tường xây gạch có diện tích 15.3m^2. Việc xây nhà được sự đồng ý của 6 anh chị em vào năm 2015. Nay bà L khởi kiện chia di sản thừa kế bà cũng đồng ý và xin nhận phần đất mà bà đã làm nhà ở, còn ngôi nhà chung giao lại cho bà L.

Tại bản tự khai ngày 21/10/2022, ngày 13/12/2022, văn bản tặng cho kỷ phần thừa kế, biên bản hòa giải người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: ông Đoàn Quốc U trình bày: Nhất trí như ý kiến của bà Đoàn Thị L yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của bố mẹ ông để lại là 01 thửa đất và tài sản trên đất theo pháp luật. Ông sẽ giao lại toàn bộ kỷ phần thừa kế mà ông được hưởng theo quy định của pháp luật cho em gái Đoàn Thị L để làm nhà thờ cho ba mẹ ông. .

Tại bản tự khai ngày 21/10/2022, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Đoàn Thị Hoa T trình bày: Nhất trí như ý kiến của em L và bà giao phần thừa kế bà được hưởng giao cho bà L để làm nhà thờ cho ba mẹ bà.

+ Tại bản tự khai ngày 21/10/2022 biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Đoàn Thị Thúy V trình bày: Nhất trí như ý kiến của bà Đoàn Thị L. Phần đất bà được thừa kế bà giao cho em D, còn phần về tài sản trên đất giao cho em L làm nhà thờ cho ba mẹ.

Tại bản tự khai ngày 09 tháng 01 năm 2023 của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Đoàn Thị Thanh H trình bày: Chị là cháu nội của ông Đoàn Hồng L, bà Ngô Thị T, không nhớ chính xác năm nào Ông, Bà mất. Ông L, bà T có 6 người con. Theo lời kể lại của Ba ruột chị là ông Đoàn Quốc V, các cô chú là các con ruột của ông bà thì trước khi mất, Ông chị có dặn dò được thu âm bằng băng catset và để lại một bản di chúc viết tay về ý kiến dặn dò của Ông đối với phần đất đai của Ông, Bà. Những nội dung cụ thể thì chưa từng được công khai đầy đủ, nên chị không được biết rõ, chỉ nghe là Ông muốn giao lại quyền quản lý cho cháu nội đích tôn, không được phân chia, không được mua bán chuyển nhượng mà chỉ được phép sử dụng để làm nhà ở hoặc canh tác. Chị là con ruột của ông Đoàn Quốc V, mất năm 2016. Ba chị chỉ có chị là con ruột. Trước khi mất ba chị không có tài sản cụ thể chỉ dặn lại có căn nhà tình nghĩa được đồng đội góp tặng mà ba, mẹ chị xây dựng trên phần đất của ông bà chị để ở. Là căn nhà hiện tại trên phần đất đang tranh chấp trong vụ án. Ba chị chỉ dặn đó là căn nhà tình cảm của đồng đội ba chị và cũng là sự tri ân và là kỷ niệm của ba mẹ, ba chị muốn chị luôn giữ lại và tu sửa để mẹ chị ở và làm kỷ niệm về ba.

Về vụ án tranh chấp giữa 2 cô ruột là Đoàn Thị L và Đoàn Thị D. Chị có mong muốn giữ nguyên phần đất của ông, bà để lại theo nguyện vọng của ông, bà, không phân chia, không mua bán chuyển nhượng. Con cháu nếu có nhu cầu ở sẽ về ở như ông dặn năm xưa. Chị muốn giữ lại căn nhà tình nghĩa của ba chị, để lưu giữ kỷ niệm về ông, để mẹ chị có thể về sinh sống khi tuổi già. Vì hiện tại mẹ chị không có chỗ ở nào khác. Vì mẹ chị đang ở Thái Bình thăm gia đình nên không thể tự khai, sẻ bổ sung khi có thể. Vì điều kiện công tác và sức khỏe mẹ chị không tốt chị và mẹ chị không thể sắp xếp việc đi lại tham dự theo yêu cầu Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để tiến hành vụ án.

Tại bản tự khai ngày 13/12/2022, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án Ông Nguyễn Mạnh H trình bày: Được sự đồng ý của 6 anh em bên vợ, nên năm 2015 vợ chồng ông đã xây dựng ngôi nhà trên đất của ông Đào Hồng L và bà Ngô Thị T là bố mẹ vợ của ông. Nhà xây móng bê tông cốt thép kết hợp đá học, nhà kết cấu đổ mái lợp tôn tường xây bằng gạch có diện tích 139,1m^2 và nhà tạm liên kê mái lợp tôn tường xây gạch có diện tích 15,3m^2. Tòan bộ tài sản này là của riêng vợ chồng ông, do ông Đoàn Quốc V chết năm 2016 nên anh em chưa hoàn thiện hồ sơ giao đất cho vợ chồng ông. Ngôi nhà hiện nay xây dựng trên đất của bố mẹ vợ là nơi ở duy nhất của vợ chồng. Nay bà Đoàn Thị L khởi kiện chia thừa ông đề nghị Tòa án giải quyết giao phần đất có nhà chông vợ chồng ông.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo quy định pháp luật.

2. Hướng giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 36 của pháp lệnh thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp lệnh thừa kế;

Căn cứ vào các Điều 609, 610, 611, 612, 613,616, 649, 650; điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 50 Luật đất đai năm 2003; Điều 100 Luật đất đai năm 2013, Án lệ số 05/2016/Al;

Căn cứ khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị L về việc yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất số 06, tờ bản đồ số 04 có diện tích 780m^2, địa chỉ thửa đất thôn Trường An, xã Gia Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, được Ủy ban nhân dân huyện cấp ngày 18/2/1995, mang tên ông Đào Hồng L. Nay là thửa đất số 102 tờ bản đồ số 39 (bản đồ địa chính), có diện tích 833,0m^2 tăng so với bản đồ giải thửa là 53m^2. Trong đó đất ở 130m^2 và đất trồng cây hàng năm khác 650 m^2, 01 ngôi nhà diện tích 68,8 m^2 và nhà vệ sinh diện tích 10m^2.

- Công nhận sự thỏa thuận:

+ Giữa bà Đoàn Thị L với ông Đoàn Quốc Uy, bà Đoàn Thị Hoa T về việc ông Đoàn Quốc U, bà Đoàn Thị Hoa T nhường phần di sản được hưởng là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho bà Đoàn Thị L.

+ Giữa bà Đoàn Thị L với bà Đoàn Thị Thúy V, bà Đoàn Thị D về việc bà Đoàn Thị Thúy V, bà Đoàn Thị D nhường phần di sản được hưởng là tài sản trên đất cho bà Đoàn Thị .

+ Giữa bà Đoàn Thị D với bà Đoàn Thị Thúy V, về việc bà Đoàn Thị Thúy nhường phần di sản được hưởng là quyền sử dụng đất cho bà Đoàn Thị D.

- Phân chia di sản thừa kế cho các đương sự:

* Chia cho bà Đoàn Thị L được sở hữu, sử dụng diện tích đất 558,6m^2 (trong đó gồm có: 86,7 m^2 đất ở trị giá 68.666.400 đồng, 471,9m^2 đất trồng cây hàng năm khác và có 35,3m^2 phải đến cơ quan chức năng đăng ký biến động, trị giá 14.407.800 đ), có tứ cạnh như sau: Phía Bắc giáp với thửa 101 từ điểm 1 đến điểm 6 có kích thước 40,92 mét. Phía Đông giáp với thửa đất 98 từ điểm 6 đến điểm 5 có kích thước 15,28 mét. Phía Nam giáp với thửa 102 S2 từ điểm 5 đến điểm 2 có kích thước 39,90 mét. Phía Tây giáp với đường Quốc lộ 1A từ điểm 1 đến điểm 2 có

kích thước 12,40 mét, 01 ngôi nhà diện tích 68,8 m^2 trị giá 169.523.000 đồng và nhà vệ sinh diện tích 10m^2 trị giá 10.670.000 đồng. (Có sơ đồ tách thửa kèm theo).

Phần di sản bà L nhận thừa so với phần di sản được hưởng là 109.100.500đ (Một trăm linh chín triệu, một trăm ngàn, năm trăm đồng). Bà Đoàn Thị L có trách nhiệm thối trả cho chị Đoàn Thị Thanh H và bà Bùi Thị T mỗi người 54.550.250đ (Năm mươi tư triệu, năm trăm năm mươi ngàn, hai trăm năm mươi đồng).

* Chia cho bà Đoàn Thị D được sở hữu, sử dụng diện tích đất 274.4m^2 (trong đó gồm có: 43,3 m^2 đất ở trị giá 34.293.600 đồng, 231,1m^2 đất trồng cây hàng năm khác và có 17,7m^2 phải đến cơ quan chức năng đăng ký biến động) trị giá 7.042.200 đồng, có tứ cạnh như sau: Phía Bắc giáp với thửa đất102 S1 từ điểm 2 đến điểm 5 có kích thước 39,90 mét. Phía Đông giáp với thửa đất 98 từ điểm 4 đến điểm 5 có kích thước 7,64 mét. Phía Nam giáp với thửa 124 từ điểm 3 đến điểm 4 có kích thước 39,47 mét. Phía Tây giáp với đường Quốc lộ 1A từ điểm 2 đến điểm 3 có kích thước 6.20 mét.

* Chị Đoàn Thị Thanh H được nhận kỷ phần thừa kế số tiền 54.550.250 đ (Năm mươi tư triệu năm trăm năm mươi ngàn hai trăm năm mươi đồng) từ bà Đoàn Thị L.

* Bà Bùi Thị T được nhận kỷ phần thừa kế số tiền 54.550.250 đ (Năm mươi tư triệu năm trăm năm mươi ngàn hai trăm năm mươi đồng) từ bà Đoàn Thị L.

Về án phí: Bà Đoàn Thị L, Đoàn Thị D, Bùi Thị T và Đoàn Thị Thanh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Đoàn Thị L khởi kiện tranh chấp về thừa kế tài sản đối với bà Đoàn Thị D. Bà D cư trú trên địa bàn huyện Quảng Ninh nên theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp về thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

Về tố tụng: Ông Đoàn Quốc U, chị Đoàn Thị Thanh H và bà Bùi Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Hà, bà Tâm.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Đoàn Hồng L, chết năm 2003 và cụ Ngô Thị T, chết năm 2001 không để lại di chúc. Tại khoản 1 Điều 623 của Bộ Luật dân sự 2015 quy định: "*Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế*". Bà Lựu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản cụ L và cụ T ngày 19/7/2022 nên còn thời hiệu khởi kiện.

[3] Về di chúc: Các đồng thừa kế của cụ Đoàn Hồng L và cụ Ngô Thị T không để lại di chúc. Các đồng thừa kế của hai cụ đều thừa nhận hai cụ không có con riêng, con nuôi, khi chết hai cụ không để lại di chúc; di sản thừa kế hai cụ để lại

là 01 thửa đất số 06, tờ bản đồ số 04 có diện tích 780m^2 được Ủy ban nhân dân huyện cấp ngày 18/2/1995. Nay là thửa đất số 102 tờ bản đồ số 39 (bản đồ địa chính), có diện tích 833,0m^2, địa chỉ thửa đất tại xã Gia Ninh, huyện Quảng Ninh mang tên ông Đào Hồng L. Trên thửa có một ngôi nhà cấp 4 có diện tích sử dụng: 68,8 m^2 và nhà vệ sinh diện tích 10m^2.

Do vậy, theo quy định tại Điều 650 Bộ luật dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình giải quyết tranh chấp di sản thừa kế theo pháp luật.

[4] Về xác định hàng thừa kế, những người được hưởng thừa kế của cụ Đoàn Hồng và cụ Ngô Thị T: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự, hàng thừa kế thứ nhất gồm: Vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết. Theo lời khai của các đồng thừa kế cụ Đoàn Hồng L và cụ Ngô Thị T có 06 người con gồm: ông Đoàn Quốc U, sinh năm 1945, ông Đoàn Quốc V, sinh năm 1952, chết năm 2016, bà Đoàn Thị Hoa T, sinh năm 1961, bà Đoàn Thị Thúy V, sinh năm 1962, bà Đoàn Thị L, sinh năm 1967 và bà Đoàn Thị D, sinh năm 1968. Ông Đoàn Quốc V chết năm 2016, không để lại di chúc, theo lời khai của chị Đoàn Thị Thanh H, thì chị là con duy nhất của ông Đoàn Quốc V và hiện tại mẹ chị là Bùi Thị T vợ ông Đoàn Quốc V đang sống với chị. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định được những người được hưởng di sản của ông Đoàn Hồng L và cụ Ngô Thị Trang ở hàng thừa kế thứ nhất hiện tại ông Đoàn Quốc Uy, bà Đoàn Thị Hoa T, bà Đoàn Thị Thúy V, bà Đoàn Thị L, bà Đoàn Thị D, chị Đoàn Thị Thanh H và bà Bùi Thị T, là đúng với quy định các Điều 613, 649, 650 và Điều 651 Bộ luật dân sự 2015.

[5] Về di sản thừa kế và phân chia di sản thừa kế: Trong thời gian chung sống cụ Đào Hồng L và cụ Ngô Thị T được quyền quản lý, sử dụng di sản thừa kế hai cụ để lại là 01 thửa đất số 06, tờ bản đồ số 04 có diện tích 780m^2, địa chỉ thửa đất thôn Trường An, xã Gia Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, được Ủy ban nhân dân huyện cấp ngày 18/2/1995, mang tên ông Đào Hồng L. Nay là thửa đất số 102 tờ bản đồ số 39 (bản đồ địa chính), có diện tích 833,0m^2 tăng so với bản đồ giải thửa là 53m^2. Trong đó đất ở 130m^2 đất có trị giá: 102.960.000 đồng và đất trồng cây hàng năm khác 650 m^2 có trị giá: 18.684.600 đồng. Ngôi nhà chính: Diện tích sử dụng: 68,8 m^2 x 2.464.000 đ/1m^2 = 169.523.000 đồng. Nhà vệ sinh diện tích 10m^2 x 1.067.000 đ/m^2 = 10.670.000 đồng. Tổng trị giá tài sản: 304.603.000 đ (Ba trăm linh bốn triệu, sáu trăm linh ba nghìn đồng). Các đồng thừa kế đều thừa nhận năm 2014 có sửa chữa nhà, khi sửa chữa đồng đội của ông Đoàn Quốc Vũ có hỗ trợ số tiền 70.000.000 đồng. Như vậy số tiền 70.000.000 đồng này giao cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Đoàn Quốc V là chị Đoàn Thị Thanh H và bà Bùi Thị T. Trên thửa đất này còn có 01 ngôi nhà xây móng bê tông cốt thép kết hợp móng xây đá học, kết cấu nhà đổ mái lợp tôn tường xây che bằng gạch có diện tích 139,1m^2 và nhà tạm liền kề mái lợp tôn tường xây gạch có diện tích 15.3m^2 là tài sản riêng của vợ chồng bà Đoàn Thị D và ông Nguyễn Mạnh H.

Vì vậy, trị giá di sản của cụ Đào Hồng L và cụ Ngô Thị T để lại là 234.603.000 đồng. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ L, cụ Trang có 06 người con được hưởng giá trị mỗi kỷ phần là 39.100.500 đồng. (Giá trị đất: 20.730.500 đ tương ứng 21,67 đất ở và 108,33 đất trồng cây hàng năm khác; Giá trị nhà: 18.365500 đồng)

Căn cứ vào giá trị di sản của từng người được nhận, căn cứ vào thực tế việc sử dụng tài sản của đương sự hiện tại để phân chia di sản cho phù hợp và tạo điều kiện cho tiếp tục sử dụng tài sản một cách thuận lợi nhất.

Đối với bà L có nguyện vọng xin lấy đất và nhà để làm nhà thờ sau này, ông U, bà T nhận phần đất và tài sản trên đất được hưởng cho bà L, bà L đồng ý nhận phần đất và tài sản trên đất ông U, bà T nhường. Bà V, bà D nhận phần tài sản trên đất được hưởng cho bà L, bà L đồng ý nhận phần tài sản trên đất bà V, bà D nhường, bà V nhường phần tài sản là quyền sử dụng đất cho bà D, bà D đồng ý nhận, nên cần thiết công nhận các sự thỏa thuận giữa bà với ông U, bà T và bà L với bà V, bà D, bà D với bà V việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hiện tại bà D đang sinh sống trên căn nhà bà D tạo lập nằm trên phần đất di sản. Nên giao cho Bà D phần đất có căn nhà do vợ bà D ông H tạo lập. Bà V nhường phần đất được hưởng cho bà D, bà D đồng ý nhận phần đất bà V nhường nên cần thiết công nhận sự thỏa thuận giữa bà D với bà V, việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với kỷ phần thừa kế của chị Đoàn Thị Thanh H và bà Bùi Thị T được hưởng là 39.100.500 đồng và số tiền 70.000.000 đồng, do đồng đội hỗ trợ ông Đoàn Quốc V làm nhà nên giao cho bà T và chị H là phù hợp.

[7] Về chi phí tố tụng: Bà Đoàn Thị L đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng, tại phiên tòa bà L trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các đồng thừa kế cùng chịu chi phí tố tụng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Bà Đoàn Thị L, bà Đoàn Thị D, chị Đoàn Thị Thanh H và bà Bùi Thị T phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 36 của Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của Pháp lệnh thừa kế;

Căn cứ vào các Điều 609, 610, 611, 612, 613,616, 649, 650; điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 50 Luật đất đai năm 2003; Điều 100 Luật đất đai năm 2013, Án lệ số 05/2016/AL;

Căn cứ khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị L về việc yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất số 06, tờ bản đồ số 04 có diện tích 780m^2, địa chỉ thửa đất thôn Trường An, xã Gia Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, được Ủy ban nhân dân huyện cấp ngày 18/2/1995, mang tên ông Đào Hồng L. Nay là thửa đất số 102 tờ bản đồ số 39 (bản đồ địa chính), có diện tích 833,0m^2 tăng so với

bản đồ giải thửa là 53m^2. Trong đó đất ở 130m^2 và đất trồng cây hàng năm khác 650 m^2, 01 ngôi nhà diện tích 68,8 m^2 và nhà vệ sinh diện tích 10m^2.

2. Công nhận sự thỏa thuận:

- Giữa bà Đoàn Thị L với ông Đoàn Quốc U, bà Đoàn Thị Hoa T về việc ông Đoàn Quốc U, bà Đoàn Thị Hoa T nhường phần di sản được hưởng là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho bà Đoàn Thị L.

- Giữa bà Đoàn Thị L với bà Đoàn Thị Thúy V, bà Đoàn Thị D về việc bà Đoàn Thị Thúy V, bà Đoàn Thị D nhường phần di sản được hưởng là tài sản trên đất cho bà Đoàn Thị L.

- Giữa bà Đoàn Thị D với bà Đoàn Thị Thúy V, về việc bà Đoàn Thị Thúy V nhường phần di sản được hưởng là quyền sử dụng đất cho bà Đoàn Thị D.

3. Phân chia di sản thừa kế cho các đương sự:

* Chia cho bà Đoàn Thị L được sở hữu, sử dụng diện tích đất 558,6m^2 (trong đó gồm có: 86,7 m^2 đất ở trị giá 68.666.400 đồng, 471,9m^2 đất trồng cây hàng năm khác và có 35,3m^2 phải đến cơ quan chức năng đăng ký biến động, trị giá 14.407.800 đồng, có tứ cạnh như sau: Phía Bắc giáp với thửa 101 từ điểm 1 đến điểm 6 có kích thước 40,92 mét. Phía Đông giáp với thửa đất 98 từ điểm 6 đến điểm 5 có kích thước 15,28 mét. Phía Nam giáp với thửa 102 S2 từ điểm 5 đến điểm 2 có kích thước 39,90 mét. Phía Tây giáp với đường Quốc lộ 1A từ điểm 1 đến điểm 2 có kích thước 12,40 mét. 01 ngôi nhà diện tích 68,8 m^2 trị giá 169.523.000 đồng và nhà vệ sinh diện tích 10m^2 trị giá 10.670.000 đồng. (Có sơ đồ tách thửa kèm theo).

Phần di sản bà L nhận thừa so với phần di sản được hưởng là 109.100.500đ (Một trăm linh chín triệu, một trăm ngàn, năm trăm đồng). Bà Đoàn Thị L có trách nhiệm thối trả cho chị Đoàn Thị Thanh H và bà Bùi Thị T mỗi người 54.550.250đ (Năm mươi tư triệu, năm trăm năm mươi ngàn, hai trăm năm mươi đồng)

* Chia cho bà Đoàn Thị D được sở hữu sử dụng diện tích đất 274.4m^2 (trong đó gồm có: 43,3 m^2 đất ở trị giá 34.293.600 đồng, 231,1m^2 đất trồng cây hàng năm khác và có 17,7m^2 phải đến cơ quan chức năng đăng ký biến động) trị giá 7.042.200 đồng, có tứ cạnh như sau: Phía Bắc giáp với thửa đất102 S1 từ điểm 2 đến điểm 5 có kích thước 39,90 mét. Phía Đông giáp với thửa đất 98 từ điểm 4 đến điểm 5 có kích thước 7,64 mét. Phía Nam giáp với thửa 124 từ điểm 3 đến điểm 4 có kích thước 39,47 mét. Phía Tây giáp với đường Quốc lộ 1A từ điểm 2 đến điểm 3 có kích thước 6.20 mét. (Có sơ đồ tách thửa kèm theo). Trên thửa đất này có 01 ngôi nhà xây móng bê tông cốt thép kết hợp đá học, nhà kết cấu đổ mái lợp tôn tường xây bằng gạch có diện tích 139,1m^2 và nhà tạm liên kê mái lợp tôn tường xây gạch có diện tích 15,3m^2 của vợ chồng bà Đoàn Thị D và ông Nguyễn Mạnh H.

* Chị Đoàn Thị Thanh H được nhận kỷ phần thừa kế số tiền 54.550.250 đ (Năm mươi tư triệu năm trăm năm mươi ngàn hai trăm năm mươi đồng) từ bà Đoàn Thị L.

* Bà Bùi Thị T được nhận kỷ phần thừa kế số tiền 54.550.250 đ (Năm mươi tư triệu năm trăm năm mươi ngàn hai trăm năm mươi đồng) từ bà Đoàn Thị L.

4. Về án phí dân sự:

- Bà Đoàn Thị L phải chịu 7.708.335 đ (Bảy triệu bảy trăm linh tám ngàn ba trăm ba mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0003893 ngày 04/10/2022. Bà Đoàn Thị

L phải nộp tiếp 7.408.335đ (Bảy triệu bốn trăm linh tám ngàn ba trăm ba mươi lăm đồng)

- Bà Đoàn Thị D phải chịu 2.066.790 đ (Hai triệu không trăm sáu mươi sáu ngàn bảy trăm chín mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Đoàn Thị Thanh H phải chịu 2.727.513đ (Hai triệu bảy trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm mười ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Bùi Thị T phải chịu 2.727.513đ (Hai triệu bảy trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm mười ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về Quyền kháng cáo: Án xử công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- UBND xã Gia Ninh;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Châu Mạnh Cường